

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
06 THÁNG ĐẦU NĂM 2017**

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT/BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2017, Công ty TNHH MTV Cấp Nước Sóc Trăng báo cáo nội dung đánh giá tình hình tài chính của Công ty như sau:

1. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn

Vốn chủ sở hữu Công ty tính đến 30/06/2017 là 63.669 triệu đồng (trong đó vốn góp chủ sở hữu là 63.669 triệu đồng) .

Tại thời điểm 30/06/2017, tổng tài sản của Công ty là 201.608 triệu đồng tăng 27.194 triệu đồng so với cuối năm 2016.

Sáu tháng đầu năm 2017, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 3.520 triệu đồng, giảm 159 triệu đồng tương đương 4% so với lợi nhuận sau thuế cùng kỳ năm 2016.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE) của Công ty 06 tháng đầu năm 2017 là 5,5%; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA) của Công ty 06 tháng đầu năm 2017 là 1,7%. Công ty tăng trưởng ổn định.

Sáu tháng đầu năm 2017, Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn.

2. Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

2.1 Tình hình đầu tư Dự án: chi tiết tại Biểu 02.A

Ngành nghề chính của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước.

Tổng mức đầu tư các dự án đến 30/06/2017 là 39.751,09 triệu đồng, Công ty không có các dự án thuộc nhóm A và nhóm B, chủ yếu là các dự án đầu tư mở rộng các tuyến ống cấp nước trên địa bàn, đổi mới công nghệ xử lý, cải tạo nâng công suất nhà máy. Trong đó nguồn vốn vay phục vụ cho các dự án đến thời điểm 30/06/2017 là 16.739,62 triệu đồng, nguồn vốn khác là 23.011,47 triệu đồng.

Trong 06 tháng đầu năm 2017, Công ty đã đưa các dự án đầu tư hoàn thành đi vào kinh doanh sử dụng là 21.817,41 triệu đồng. Các dự án đầu tư đưa vào sử dụng đã góp phần mở rộng việc cung cấp nguồn nước sạch đến dân cư trên địa bàn, m³ nước tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận của Công ty cũng được tăng trưởng.

2.2 Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp

Hoạt động đầu tư vốn ra ngoài của Công ty đã được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng và tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành, chỉ đầu tư tập trung vào ngành nghề hoạt động chính của Công ty. Từ tháng 11/2013 đến hết năm 2014, Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng với tỷ lệ góp vốn 29%. Tháng 04/2015, Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng đã chính thức đi vào hoạt động khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch từ nguồn nước mặt. Trong 06 tháng đầu năm 2017, Công ty CP Nước Sóc Trăng có doanh thu đạt 4.857 triệu đồng, lãi trước thuế 1.208 triệu đồng.

Trong 06 tháng cuối năm 2017, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty CP Nước Sóc Trăng dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng ổn định.

2.3 Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động

Trong 06 tháng đầu năm 2017, Công ty đã huy động vốn 44.564 triệu đồng, mức dư nợ huy động đến 30/06/2017 của Công ty là 98.480 triệu đồng (*trong đó dư nợ vay ngắn hạn là 18.706 triệu đồng, dư nợ vay dài hạn là 79.774 triệu đồng*). Tất cả nguồn vốn huy động của Công ty đều là vốn vay từ các Ngân hàng thương mại trên địa bàn, trong 06 tháng đầu năm 2017 chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ là 21.618 triệu đồng, chi hoạt động sản xuất kinh doanh là 22.946 triệu đồng.

Việc sử dụng vốn huy động giúp đáp ứng kịp thời và đầy đủ về vốn cho công tác đầu tư xây dựng mở rộng hệ thống cấp nước và chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2.4 Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả

Thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm tài sản, tình hình trích khấu hao tài sản, tình hình thanh lý, nhượng bán tài sản, tình hình xử lý hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất hoặc mất phẩm chất của Công ty trong 06 tháng đầu năm 2017 được thực hiện theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

Thực hiện Nghị định 206/2013/NĐ-CP ngày 09/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Công

ty đã có ban hành Quy chế quản lý công nợ kèm theo Quyết định số 98/QĐ-CN ngày 16/06/2014. Theo đó, Công ty luôn thực hiện việc quản lý nợ theo nội dung của Quy chế.

Tình hình nợ phải thu đến cuối 30/06/2017 là 11.281 triệu đồng (*bao gồm phải thu khách hàng, trả trước người bán và phải thu khác*). Trong 06 tháng đầu năm 2017, Công ty không có nợ quá hạn.

Công nợ phải trả đến cuối 30/06/2017 của Công ty là 134.417 triệu đồng, không có nợ đến hạn, nợ quá hạn. Khả năng thanh toán nợ là 0,7 lần; Nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty là 2,1 lần.

3. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính

- Sáu tháng đầu năm 2017, m² nước thương phẩm sản xuất và tiêu thụ là 8.807.381 m³.

- Các chỉ tiêu về tài chính:

+ Doanh thu 06 tháng đầu năm 2017 là 63.817 triệu đồng, đạt 51% so với kế hoạch năm, tăng 9% so với cùng kỳ năm 2016, tăng 25% so với cùng kỳ năm 2015.

+ Chi phí sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2017 là 59.417 triệu đồng, đạt 51% so với kế hoạch năm, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2016, tăng 24% so với cùng kỳ năm 2015.

+ Doanh thu hoạt động tài chính 06 tháng đầu năm 2017 là 10,6 triệu đồng, đạt 50% so với kế hoạch năm, đạt 5% so với cùng kỳ năm 2016, đạt 77% so với cùng kỳ năm 2015.

+ Chi phí hoạt động tài chính 06 tháng đầu năm 2017 là 4.177 triệu đồng, chiếm 60% so với kế hoạch năm, tăng 81% so với cùng kỳ năm 2016, tăng 157% so với cùng kỳ năm 2015.

+ Thu nhập khác 06 tháng đầu năm 2017 là 40 triệu đồng, đạt 32% so với cùng kỳ năm 2016, đạt 27% so với cùng kỳ năm 2015.

+ Chi phí khác 06 tháng đầu năm 2017 là 2 triệu đồng, đạt 9% so với cùng kỳ năm 2016, đạt 100% so với cùng kỳ năm 2015.

+ Lợi nhuận 06 tháng đầu năm 2017 là 4.400 triệu đồng, chiếm 52% so với kế hoạch năm, đạt 97% so với cùng kỳ năm 2016, tăng 44% so với cùng kỳ năm 2015.

- Về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp:

+ Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu 06 tháng đầu năm 2017 là 7% giảm 0,5% so với cùng kỳ năm trước.

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) 06 tháng đầu năm 2017 là 5,5% giảm 0,6% so với cùng kỳ năm 2016.

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) 06 tháng đầu năm 2017 là 1,7%, giảm 0,8% so với cùng kỳ năm 2016.

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty 06 tháng đầu năm 2017 cho thấy:

+ Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty dương, thể hiện lượng tiền thu được từ bán hàng lớn hơn chi phí doanh nghiệp bỏ ra trong năm, đảm bảo thanh toán kịp thời các khoản nợ đến hạn. Công ty sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

+ Dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư âm và dòng tiền thuần từ hoạt động tài chính âm trong 06 tháng đầu năm 2017 do Công ty đang mở rộng quy mô đầu tư kinh doanh chủ yếu là xây dựng các hệ thống đường ống cấp nước phục vụ nguồn nước sinh hoạt cho dân cư bằng nguồn vốn tự có đồng thời có thêm sự hỗ trợ từ nguồn vốn đi vay.

Dự kiến trong 06 tháng cuối năm 2017, Công ty sẽ tiếp tục phấn đấu đạt mức tăng trưởng cao hơn, đảm bảo chi phí hoạt động, thanh toán kịp thời các khoản nợ đến hạn và tiếp tục đầu tư mở rộng phát triển.

4. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

Trong 06 tháng đầu năm 2017, Công ty nộp ngân sách 5.619 triệu đồng, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước (*chi tiết tại Biểu 02.Đ-A*).

Việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty được thực hiện theo Thông tư 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính (*chi tiết tại Biểu 02.Đ-B*).

5. Tình hình chấp hành chế độ, chính sách và pháp luật

Công ty luôn tuân thủ và chấp hành các quy định bao gồm các lĩnh vực về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, thuế, thu nộp ngân sách, chế độ báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính và báo cáo khác, việc thực hiện kết quả thanh tra, kiểm tra theo quy định pháp luật.

6. Giải trình của Công ty đối với các ý kiến đánh giá của Kiểm toán độc lập, ý kiến của Kiểm soát viên, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về báo cáo tài chính của Công ty : không có.

7. Tình hình thực hiện cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp: Đối với công tác cổ phần hóa doanh nghiệp, trong 06 tháng đầu năm 2017 đã thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp, phê duyệt phương án cổ phần hóa và hiện Công ty đang tiếp tục thực hiện các giai đoạn còn lại của công tác cổ phần hóa.

Tình hình cơ cấu lại vốn của Công ty đầu tư tại công ty con, công ty liên kết: không có.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp Nước Sóc Trăng 06 tháng đầu năm 2017.

*** Nơi nhận:**

- UBND tỉnh Sóc Trăng
- Sở Tài Chính;
- Lưu VT,KT.



Dặng Văn Ngộ

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỀ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB
06 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động					Giá trị khối lượng thực hiện đến 30/06/2017				Giá trị TS đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết 30/06/2017	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết 30/06/2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A Các DA nhóm A																		
B Các DA nhóm B																		
C Các DA khác																		
1	Đường nội bộ, vỉa hè, công thoát nước NMN Khu CN An Nghiệp	Số 16/09/QĐ-CN ngày 16/09/2016	767,78	230	30	537	70	2016-2017				-	564,15	564,15	-	-	-	564,15
2	Cụm xử lý số 2 NMVN Phường 8	Số 06.01.2/QĐ-CN ngày 06/01/2016	993,12	298	30	695	70	2016-2017				629,48	15,14	644,62	-	-	-	644,62
3	Tuyến ống CN tuyến tránh QL1A đoạn km2128+945,24 đến km2129+435,24	Số 23.11/QĐ-CN ngày 23/11/2016	978,74	294	30	685	70	2017				-	418,33	418,33	-	-	-	-
4	Cải tạo khu xử lý, bể lắng, bể lọc, LB cụm xử lý sắt (đường D4 KCN)	Số 06.06/QĐ-CN ngày 06/06/2016	7.236	2.171	30	5.065	70	2017	4.400	60 tháng	11,0%	5,78	5.822,55	5.828,33	-	-	4.376,25	4.376,25
5	Cải tạo hàng rào công ty cảnh bên xe Sóc Trăng đến giáp hàng rào khu VH Hồ Nước	Số 08.08.2/QĐ-CN ngày 08/08/2016	435,45	131	30	305	70	2016-2017				-	319,19	319,19	-	-	-	319,19
6	Khoan robot ngầm đặt ống HDPE 250 (bên trái tuyến) và ống 160 (bên phải tuyến) qua cầu Bung Tróp	Số 19.10/QĐ-CN ngày 19/10/2016	1.310,46	393	30	917	70	2016-2017	7.100	60 tháng	11,0%	-	1.060,83	1.060,83	-	-	852,01	852,01
7	Khoan robot ngầm đặt ống HDPE 250 (bên trái tuyến) và ống 160 (bên phải tuyến) ngang qua NKKK	Số 04.11.1/QĐ-CN ngày 04/11/2016	934,93	280	30	654	70	2016-2017	7.100	60 tháng	11,0%	-	759,31	759,31	-	-	604,93	604,93
8	Khoan robot ngầm đặt ống HDPE 250 (bên trái tuyến) và ống 160 (bên phải tuyến) qua cầu An Trạch	Số 23.09/QĐ-CN ngày 23/09/2016	1.310,46	393	30	917	70	2016-2017	2.000	60 tháng	11,0%	-	1.324,56	1.324,56	-	-	900,00	900,00
9	Khoan robot ngầm đặt ống HDPE 250 (bên trái tuyến) và ống 160 (bên phải tuyến) qua kênh Xàme Xã Lân	Số 24.11.1/QĐ-CN ngày 24/11/2016	1.414,17	424	30	990	70	2016-2017	7.100	60 tháng	11,0%	-	1.141,02	1.141,02	-	-	920,18	920,18
10	Khoan robot ngầm đặt ống HDPE 250 (bên trái tuyến) và ống 160 (bên phải tuyến) qua kênh Tầm Thước	Số 08.12/QĐ-CN ngày 08/12/2016	1.090,21	327	30	763	70	2016-2017	7.100	60 tháng	11,0%	-	874,60	874,60	-	-	697,26	697,26
11	Nhà đặt máy phát điện - XN CN Phú Lợi	Số 09.05.2/QĐ-CN ngày 09/05/2016	95	28	30	66	70	2016-2017				-	78,51	78,51	-	-	-	78,51
12	Tuyến ống đường Nguyễn Đình Chiểu - Nguyễn Huệ - TP Sóc Trăng	Số 30.12.4/QĐ-CN ngày 30/12/2016	870	261	30	609	70	2017				-	337,96	337,96	-	-	-	-
13	Khoan robot ngầm đặt ống HDPE D250 ngang qua QL 1A	Số 28.12/QĐ-CN ngày 28/12/2016	1.117	335	30	782	70	2017				-	1,82	1,82	-	-	-	-

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động				Giá trị khối lượng thực hiện đến 30/06/2017			Giá trị ngân sách đến 30/06/2017			Giá trị TS đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết 30/06/2017	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết 30/06/2017		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
14	Thị công nội thất văn phòng công ty (phòng TCHC mới)	Số 16.01.3/QĐ-CN ngày 16/01/2017	500	150	30	350	70	2017				-	361,03	361,03	-	-	-	361,03	
15	Công trình mái che kính phản quang văn phòng công ty	Số 16.11/2016 ngày 16/11/2016	170	51	30	119	70	2016-2017				-	154,79	154,79	-	-	-	154,79	
16	Lắp cửa kính trượt tự động phòng TCHC	Số 16.01.3/QĐ-CN ngày 16/01/2017	500	150	30	350	70	2017				-	63,10	63,10	-	-	-	63,10	
17	Tuyến ống CN QL 1A đoạn km 2127+710,24 đến km 2128+845,24	Số 09.11/QĐ-CN ngày 09/11/2016	2.046,86	614	30	1.433	70	2016-2017				-	949,01	949,01	-	-	-	-	
18	Tuyến ống CN QL 1A đoạn km 2132+745,24 đến km 2135+240,24	Số 05.01/QĐ-CN ngày 05/01/2017	4.121,98	1.237	30	2.885	70	2016-2017				-	1.884,18	1.884,18	-	-	-	-	
19	Tuyến ống CN QL 1A đoạn km 2129+520,24 đến km 2130+375,24	Số 02.12.1/QĐ-CN ngày 02/12/2016	1.583,99	475	30	1.109	70	2016-2017				-	715,15	715,15	-	-	-	-	
20	Tuyến ống CN QL 1A đoạn km 2130+465,24 đến km 2132+675,24	Số 14.12/QĐ-CN ngày 14/12/2016	3.915,27	1.175	30	2.741	70	2016-2017				-	1.710,94	1.710,94	-	-	-	-	
21	Nhà xe XN Nguyễn Chí Thanh	Số 13.02.2/QĐ-CN ngày 13/02/2017	66,73	20	30	47	70	2017				-	58,85	58,85	-	-	-	58,85	
22	Nhà VS, nền vỉa hè, công thoát nước, công hàng rào nhà xưởng, mái che trạm bơm cấp 2 N/MN KCN	Số 10.03/QĐ-CN ngày 10/03/2016	725,11	218	30	508	70	2016-2017				-	399,35	399,35	-	-	-	-	
23	Hệ thống xử lý RO Phú Lợi	Số 27.02/QĐ-CN ngày 27/02/2017	13.429,22	4.029	30	9.400	70	2017				-	0,27	0,27	-	-	-	-	
24	Nhà trạm bơm, hồ lắng, sân phơi bùn, cải tạo công trường rào, cải tạo sân đường, thoát nước - Kê Sách	Số 07.06.1/QĐ-CN ngày 07/06/2016	996	299	30	697	70	2016-2017	438	60 tháng	11,0%	-	758,75	758,75	-	-	-	758,75	
25	Tuyến ống đường Cầu Suối Tiên - ấp An Ninh 2 - Kê Sách	Số 21.06/QĐ-CN ngày 21/06/2016	243	73	30	170	70	2016-2017	690	60 tháng	10,0%	60,46	169,84	230,30	-	-	-	230,30	
26	Tuyến ống đường tỉnh 932 km 17+300 - km 19+077 - Kê Sách	Số 05.01.1/QĐ-CN ngày 05/01/2017	641	192	30	448	70	2017	2.000	60 tháng	11,0%	-	472,68	472,68	-	-	-	472,68	
27	Nhà đặt máy phát điện - Vĩnh Châu	18.08.1/QĐ-CN ngày 18/08/2016	51	15	30	36	70	2016-2017				-	44,80	44,80	-	-	-	44,80	
28	Hệ thống xử lý Amoni Vĩnh Châu	05.12/QĐ-CN ngày 05/12/2016	3.461	1.038	30	2.423	70	2017	7.100	60 tháng	11,0%	-	0,17	0,17	-	-	-	867,96	
29	Lắp trụ cứu hỏa huyện Vĩnh Châu - Ngã Năm	Số 05.04.03/QĐ-CN ngày 05/04/2016	1.075	323	30	753	70	2017				-	402,29	402,29	-	-	-	-	
30	Giếng Khoan Long Đức 2 - Đại Ngãi	06.10/QĐ-CN ngày 06/10/2016	1.528	459	30	1.070	70	2017	1.069	60 tháng	10,5%	-	1.099,69	1.099,69	-	-	-	1.099,69	
31	Lắp đặt công nghệ + Điện giếng Long Đức 1 - Long Đức	Số 01.03.3/QĐ-CN ngày 01/06/2016	337	101	30	236	70	2016-2017				248,55	(67,03)	181,52	-	-	-	181,52	
32	Trạm biến áp Long Đức	Số 19.01/QĐ-CN ngày 19/01/2017	282	85	30	197	70	2017				-	243,56	243,56	-	-	-	243,56	

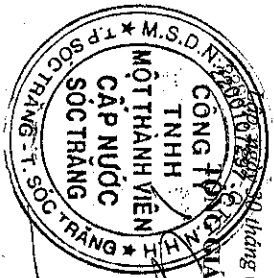
TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện đến 30/06/2017			Giá trị ngân sách đến 30/06/2017			Giá trị TS đã hình thành và đưa vào sử dụng		
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết 30/06/2017	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết 30/06/2017			
1			2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
33	Tuyến ống Áp Ngon - xã Hậu Thạnh	Số 14.03.1/QĐ-CN ngày 14/03/2017	958	287	30	671	70	2017						-	3,64	3,64	-	-	-	-
34	Tuyến ống cấp nước đường Nam Sông Hậu đoạn km 47+080 đến km 48+030	Số 24.05/QĐ-CN ngày 24/05/2016	592	178	30	414	70	2016-2017	387	60 tháng	10,5%	373,11	199,63	572,74	-	379,00	379,00	379,00	572,74	-
35	Lắp trụ cứu hỏa Đai Ngải - Long Phú - Kế Sách	Số 19.04.03/QĐ-CN ngày 19/04/2016	999	300	30	699	70	2017						-	163,01	163,01	-	-	-	-
36	Tuyến ống đường huyện 27 - TT Long Phú	18.04/QĐ-CN ngày 18/04/2016	3.537	1.061	30	2.476	70	2016-2017	2.400	60 tháng	11,2%	2.479,92	181,11	2.661,03	1.538	(480,00)	1.058,00	2.661,03		
37	Tuyến ống đường Tỉnh 933 từ km12+560 đến km14+882 Long Phú	Số 28.12.2/QĐ-CN ngày 28/12/2016	1.101	330	30	771	70	2017	2.000	60 tháng	11,0%	-	730,65	730,65	-	680,00	680,00	680,00	730,65	-
38	Tuyến ống Khu dân cư ấp Hòa Mỹ đường Trần Hưng Đạo - Mỹ Xuyên	03.10.3/QĐ-CN ngày 03/10/2016	711	213	30	497	70	2017						-	426,41	426,41	-	-	-	-
39	Tuyến ống CN đường dài bê tông bê bao Phủ Hữu - ấp Tài Công - xã Tài Văn (đợt 2)	Số 22.03/QĐ-CN ngày 22/03/2017	1.094	328	30	766	70	2017						-	435,04	435,04	-	-	-	-
40	Tuyến ống CN đường dài bê tông bê bao Phủ Hữu - ấp Tài Công - xã Tài Văn (đợt 1)	Số 24.1.2/QĐ-CN ngày 21/01/2017	1.081	324	30	756	70	2017						-	349,08	349,08	-	-	-	-
41	Tuyến ống CN đường dài bê tông bê Tài Công, Xã Tài Văn	Số 09.12.4/QĐ-CN ngày 09/12/2016	846	254	30	592	70	2017						-	556,47	556,47	-	-	-	-
42	Lắp đặt trạm bơm cấp 2 công nghệ + Điện NMMN Mỹ Xuyên	Số 24.04.2/QĐ-CN ngày 24/04/2017	430	129	30	301	70	2017						-	264,01	264,01	-	-	-	-
43	Lắp trụ cứu hỏa TT Mỹ Xuyên - Lịch Hội Thượng - Trần Đề	Số 19.04.2/QĐ-CN ngày 19/04/2017	1.405	422	30	984	70	2017						-	84,01	84,01	-	-	-	-
44	Tuyến ống đường Nam Sông Hậu đoạn km 73+810 đến km 74+930, km 76+722,6 đến 77+782,6...	Số 12.09.01/QĐ-CN ngày 12/09/2016	1.613	484	30	1.129	70	2017						139,80	3,66	143,46	-	-	-	-
45	Tuyến ống CN ấp Bảo Lớn - TT Phú Lộc	Số 22.03.2/QĐ-CN ngày 22/03/2017	409	123	30	286	70	2017						-	123,30	123,30	-	-	-	-
46	Tuyến ống CN Chôm tre - ấp Mỹ Lợi A - Xã Mỹ Tú	29.12.2/QĐ-CN ngày 29/12/2016	1.310	393	30	917	70	2017	401	60 tháng	10,5%	-	975,83	975,83	-	-	-	-	975,83	-
47	Đường ống công nghệ bồn lọc kim NMMN Lịch Hội Thượng	Số 23.02/QĐ-CN ngày 23/02/2016	1.898	569	30	1.329	70	2017						872,65	536,76	1.409,41	-	-	-	-
48	Tuyến ống Hẻm cây Sung đường tỉnh 934 - ấp Hội Trung - TT Lịch Hội Thượng	Số 16.08.1/QĐ-CN ngày 16/08/2016	618	185	30	432	70	2017	432	60 tháng	10,5%	445,41	3,64	449,05	-	315,00	315,00	315,00	449,05	-
49	Công xưởng rào - nhà bảo vệ, nhà nghỉ công nhân - XN CN Lịch Hội Thượng	Số 11.05/QĐ-CN ngày 11/05/2016	1.487	446	30	1.041	70	2016-2017						806,05	61,02	867,07	-	-	-	867,07
50	Sân nhà, công hàng rào, nền bồn lọc, nền đất máy phát điện NMMN Lịch Hội Thượng	Số 20.09/QĐ-CN ngày 20/09/2016	66	20	30	46	70	2017						-	58,44	58,44	-	-	-	-
51	Lắp đèn âm trần dò khai thác nước NMMN Lịch Hội Thượng	Số 80/HĐTV-2015 ngày 11/09/2015	88	26	30	62	70	2017						-	79,91	79,91	-	-	-	-
52	Tuyến ống từ NMMN Ngã Năm đến đường Võ Nguyên Giáp - Ngã Năm	Số 287/QĐ-CN ngày 7/12/2015	3.711	1.113	30	2.598	70	2016-2017	2.597	60 tháng	10,5%	2.213,52	72,76	2.286,28	1.697	(99,82)	1.597,18	2.286,28		

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động				Giá trị khối lượng thực hiện đến 30/06/2017				Giá trị TS đã hình thành và đưa vào sử dụng		
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết 30/06/2017	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết 30/06/2017	Giá trị TS đã hình thành và đưa vào sử dụng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
53	Tuyến ống đường Trần Hưng Đạo - đường Hùng Vương, thị xã Ngã Năm	Số 20.06/QĐ-CN ngày 26/06/2016	3.991	1.197	30	2.794	70	2016-2017	2.793	60 tháng	10,5%	1.849,54	989,35	2.838,89	1.105	785,00	1.890,00	2.838,89	
54	Lắp đặt công nghệ bơm lọc kín XN CN Ngã Năm	Số 05.05/QĐ-CN ngày 05/05/2017	350	105	30	245	70					-	63,81	63,81	-	-	-	-	
55	Tuyến ống CN cấp kênh Bến Long phía (bên trái) - thị xã Ngã Năm	20.04/QĐ-CN ngày 20/04/2017	1.846	554	30	1.292	70	2017				-	494,08	494,08	-	-	-	-	
56	Tuyến ống CN cấp kênh Bến Long phía (bên phải) - thị xã Ngã Năm	Số 30.03/QĐ-CN ngày 30/03/2017	1.606	482	30	1.124	70	2017				-	536,14	536,14	-	-	-	-	
57	Cum xử lý (Công nghệ + điện) - XN CN Phong Năm	Số 10.04.4/QĐ-CN ngày 10/04/2017	100	30	30	70	70	2017				-	16,70	16,70	-	-	-	-	
58	Lắp tru cứu hỏa thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa - Hưng Lợi	Số 05.04.2/QĐ-CN ngày 05/04/2017	348	104	30	243	70	2017				-	78,96	78,96	-	-	-	-	

NGƯỜI LẬP BIỂU

[Signature]

Vũ Thị Phương Quyên



30 tháng 06 năm 2017

Đặng Văn Ngợi

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VỐN VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
06 THÁNG ĐẦU NĂM 2017**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

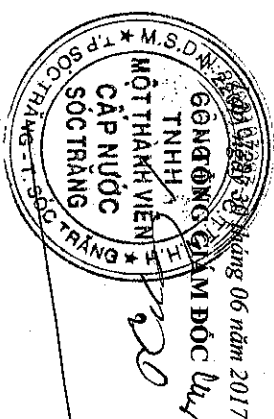
STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư			Tỷ lệ góp vốn			Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia năm báo cáo	Tỷ lệ lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của công ty con, công ty liên kết	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết
		Kế hoạch	Năm trước	Tại thời điểm 30/06/2017	Kế hoạch	Năm trước	Tại thời điểm 30/06/2017			Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
I	Công ty con																
II	Công ty liên kết																
	Công ty CP Nước Sóc Trăng	-	12.064	12.064	29%	29%	29%	41.600	41.600	4.872	4.857	(1.444)	1.208	-	-	40,5	0,07
III	Đầu tư tài chính																

Đánh giá của doanh nghiệp : Trong 06 tháng đầu năm 2017, Công ty đã đạt doanh thu 4.857 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế 1.208 triệu đồng, các chi tiêu về tài chính như Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn và Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu đều đạt theo quy định. Hiệu quả đầu tư vốn tại Công ty CP Nước Sóc Trăng trong 06 tháng đầu năm 2017 khá tốt.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Vũ Thị Phương Diễm



Đặng Văn Ngà

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
06 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài Chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2016	Năm 2017		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch	Thực hiện 06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2016	KH Năm 2017
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(1)	(6)=(4)/(2)	(7)=(4)/(3)
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu (m2 nước)	8.244.300	8.644.716	17.600.000	8.807.381	106,83	101,88	50,04
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu (m2 nước)	8.244.300	8.644.716	17.600.000	8.807.381	106,83	101,88	50,04
3. Tồn kho cuối kỳ	-	-	-	-	-	-	-
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.798	58.426	124.980	63.766	125,53	109,14	51,02
2. Giá vốn hàng bán	21.903	32.198	65.687	30.204	137,90	93,81	45,98
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.895	26.228	59.293	33.562	116,15	127,96	56,60
4. Doanh thu hoạt động tài chính	13	197	20	10	76,92	5,08	-
5. Chi phí tài chính	1.626	2.309	7.000	4.177	256,89	180,90	59,67
6. Chi phí bán hàng	14.726	9.744	19.513	12.281	83,40	126,04	62,94
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.653	9.924	24.300	12.752	132,10	128,50	52,48
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.903	4.448	8.500	4.362	150,26	98,07	51,32
9. Thu nhập khác	146	126	-	40	27,40	31,75	-

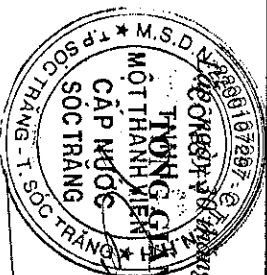
Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2016	Năm 2017		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch	Thực hiện 06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2016	KH Năm 2017
10. Chi phí khác	2	23	-	2	100,00	8,70	-
11. Lợi nhuận khác	144	103	-	38	26,39	36,89	-
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.047	4.551	8.500	4.400	144,40	96,68	51,76
13. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	670	872	1.700	880	131,34	100,92	51,76
14. Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.377	3.679	6.800	3.520	148,09	95,68	51,76

NGƯỜI LẬP BIỂU

[Handwritten signature]

Võ Thị Hương Diễm



Ngày 06 năm 2017

Đặng Văn Ngọc

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài Chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển qua	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=(1+2-3)</i>
1. Thuế	(312)	3.943	2.708	923
- Thuế GTGT	(13)	-	-	(13)
- Thuế TNDN	(317)	880	132	431
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
- Thuế đất	-	-	-	-
- Các khoản thuế khác	18	3.063	2.576	505
2. Các khoản phải nộp khác	<u>367</u>	<u>3.045</u>	<u>2.911</u>	<u>501</u>
- Phí, lệ phí	367	3.045	2.911	501
- Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ hỗ trợ và phát triển DN) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của DN theo quy định	-	-	-	-

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài Chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
2. Quỹ khen thưởng phúc lợi	7.772	-	4.076	3.696
3. Quỹ thưởng Viên chức QL DN	242	-	186	56
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN	-	-	-	-
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)	-	-	-	-

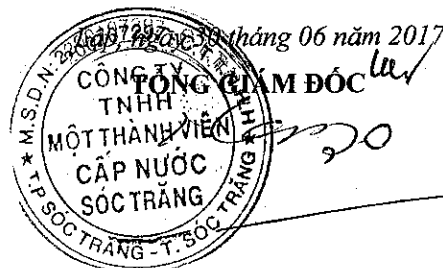
Thuyết minh :

- Quỹ khen thưởng giảm là do chi khen thưởng năm 2016 và trong 06 tháng đầu năm 2017. Quỹ phúc lợi giảm do chi các hoạt động phúc lợi của Công ty trong 06 tháng đầu năm 2017.

- Quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp giảm là do chi khen thưởng cho năm 2016.

NGƯỜI LẬP BIỂU

Vũ Chi Phương Diệu



Dương Văn Ngộ